

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	18+1	0+0		8+14	0+0	
2		P4+P5	7:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
3		P11+P1+P7	7:25	4+14+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	chuyen 3 p1- p7
4		HST+TGTH1+AMD	7:00	4+2+13	0+0+0		3+3+13	0+0+0	
5		RC3+P7	9:25	3+16	0+0		1+21	0+0	
6		P3+P10+BK8	9:25	15+6+0	0+0+0		8+1+13	0+0+0	chuyen 3 p3- p10
7		TD3+P5	9:25	6+11	0+0		0+22	0+0	
8		P4+P3	11:25	16+0	0+0		9+13	0+0	
9		AMD+P4	11:25	10+4	0+0		4+18	0+0	
10		P1+RC5+RC6	11:25	11+5+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/12/2023	TO: TD2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:20
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THAI VIET	TD2	88	1	12		74	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG SINH	TD2	87	1	8		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN DUNG	TD2	97	1	13		58	DVL	Vietnamese
4	VO CHI THANH	TD2	86	1	6	36	70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN NAM HAI	TD2	98-99	2	15		78	DVL	Vietnamese
6	ĐÔNG HOANG ĐỨC	TD2	20-21	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN CHI THANH	TD2	80-81	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN THU	TD2	17	1	12	20	80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CƯỜNG	TD2	94-95	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ĐỨC	TD2	93	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI SON HAI	TD2	18-19	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH HÙNG	TD2	16	1	4	15	63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LỘC	TD2	78	1	15	12	60	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI HONG SANG	TD2	49	1	16		97	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN DÂN	TD2	96	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUAN	TD2	4000,600	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VAN THANG	TD2	91-92	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
18	VO ANH TUAN	TD2	82	1	7	14	63	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI NGOC TU	RP3	32-33	2	9		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	25	220	1.231	97	8		
2	RP3	1	2	9	70	0	14		
TOTAL		19	27	229	1.301	97	22		
WEIGHT KG				229	1.301	97			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: P4 - P5	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 09:30
TRANG-1			

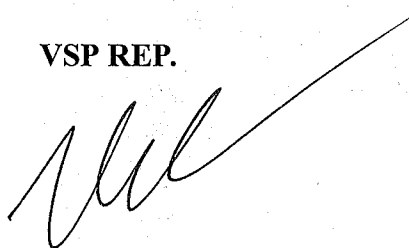
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P4	55	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	45	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	42-43	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	48-49	2	7	25	72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	38	1	3	15	53	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	46	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOANG	P4	51	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG VINH	P4	61	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	59-60	2	20		67	YTE	Vietnamese
10	BUI MINH TUÂN	P4	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	56	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TUÂN	P4	54	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	67-68	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOANG LONG	P4	52	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN	P4	40	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG	P4	41	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU VĂN ĐẠT	P4	53	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN BA	P4	44	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAM VĂN QUANG	P4	39	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	P5	19	1	8		72	YTE	Vietnamese
22	BUI VĂN BÁC	P5					76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

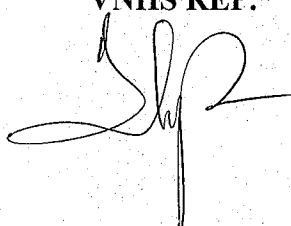
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	24	155	1.354	40	20		
2	P5	2	1	8	148	0	2		
TOTAL		22	25	163	1.502	40	22		
WEIGHT KG				163	1.502	40			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/12/2023	TO: P11 - P1 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Toan	ETA: 09:25
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	01-02	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VIỆT	P11	04	1	8	35	75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	P11	03	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANG	P11	05-06	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BABKIN A	P1	97	1	5		100	KH-THAC	Russian
6	KISELEV	P1	99	1	5		100	KH-THAC	Russian
7	VŨ XUÂN QUY	P1	200	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KIM CUƠNG	P1	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÀI	P1	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ VINH	P1	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KIẾN TRUNG	P1	98	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	75,59	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG MINH	P1	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	71	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀ QUỐC VIỆT	P1	25,61	2	10		64	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	69-70	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	P1	73-74	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN TRUNG	P7	29	1	10		70	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHONG	P7	28	1	5	40	67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	92-93	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	6	56	286	35	0		CHUYỂN 01 PAX TỪ P1 SANG P7
2	P1	14	17	96	1.060	0	14		
3	P7	3	4	27	202	40	8		
TOTAL		21	27	179	1.548	75	22		
WEIGHT KG				179	1.548	75			

GRAND TOTAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:00
FLIGHT: 4	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: MMinh - Nam	ETA: 09:00
Xanh-1			

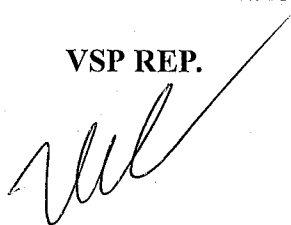
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	18-19	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NHA	HST	16	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH TUNG	HST	20	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HST	17	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	41	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN GIANG	TGTH1	42	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ANH QUỐC	AMD	64	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	65	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HÙNG	AMD	76-77	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	67	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIẾN	AMD	68-69	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	RAGUNATHAN SELVARAJAN	AMD	81-82	2	15		84	BAB	Malaysian
16	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	71-72	2	7		59	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH MINH	AMD	75	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN GIA DINH	AMD	79-80	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HÀ	AMD	73-74	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	5	45	278	0	3		
2	TGTH1	2	2	12	144	0	3		
3	AMD	13	19	100	908	0	13		
TOTAL		19	26	157	1.330	0	19		
WEIGHT KG				157	1.330	0			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

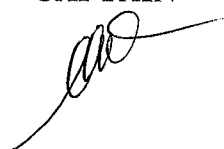
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RC3 - P7	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THÀNH LONG	RC3	30-31	2	18		62	GPWS	Vietnamese
2	TRẦN QUANG HẢI	RC3	29,34	2	18	43	70	GPWS	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RC3	32-33	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH THANH TAM	P7	31-32	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	29	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH NAM	P7	26	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	20	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	19	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIÊN	P7	23	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P7	30	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC ANH	P7	33	1	16	43	80	CODIEN	Vietnamese
13	VÕ NGỌC THAI SƠN	P7	37	1	12	14	73	CODIEN	Vietnamese
14	ĐÀO ĐỨC THIÊN	P7	24	1	16		78	CODIEN	Vietnamese
15	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	27	1	5		76	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN QUÂN (1987)	P7	25	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	ĐẠU CÔNG SÁU	P7	21	1	5		86	PSV	Vietnamese
18	LÊ HAI AN	P7	53	1	8		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	P7	28	1	6		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	3	6	53	200	43	1		
2	P7	16	16	124	1.206	57	21		
TOTAL		19	22	177	1.406	100	22		
WEIGHT KG				177	1.406	100			

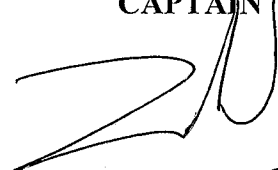
GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	TO: P3 - P10 - BK8	CREW: ĐỨC - TĐông - D Sơn	ETA: 11:50
TRANG-2			

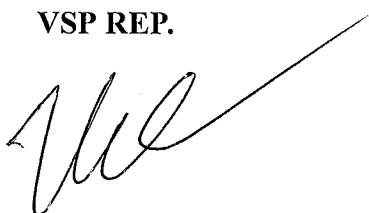
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHI DÂN	P3	10	1	7		57	YTE	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	21	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THANH	P3	22	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
4	LUÔNG HỮU HẬU	P3	13-14	2	20		92	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THÈ DUƠNG	P3	16	1	10	25	66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỞNG AN	P3	12	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	17	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN THANH	P3	15	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	11	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH PHONG	P3	19-20	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ĐỨC HÙNG	P3	25	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN LỢI	P3	28-30	3	15	70	80	T-TIN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TUẤN	P3	23-24	2	13		89	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TOÀN	P3	18	1	7		95	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH QUÂN	P10	42	1	10		72	DUNG QU.	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐÔNG	P10	44	1	6		70	DUNG QU.	Vietnamese
17	PHAN KHÁC VINH	P10	46-47	2	10		55	DUNG QU.	Vietnamese
18	NGÔ PHÚC DŨNG	P10	43	1	9		66	DUNG QU.	Vietnamese
19	VÕ QUỐC TUẤN	P10	45	1	17		83	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC TOÀN	P10	41	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

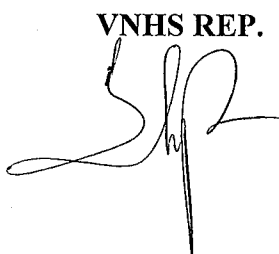
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	14	19	141	1.112	95	8+3		CHUYEN 3 PAX P3-P10
2	P10	6	7	59	416	0	1		
3	BK8	0	0	0	0	30	13		
TOTAL		20	26	200	1.528	125	22		
WEIGHT KG				200	1.528	125			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	TO: TD3 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - QTrường	ETA: 11:45
CAM-2			

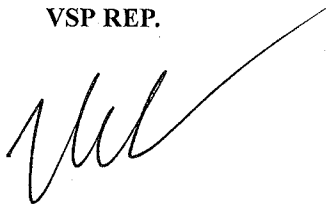
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD3	14	1	14		75	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGHĨA	TD3	11	1	15		84	DVL	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD3	12	1	10		78	DVL	Vietnamese
4	LE PHU PHUC	TD3	10	1	8		84	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HIỆP	TD3	13	1	15		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	TD3	15-16	2	19		70	DVL	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	21	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHÚC	P5	16	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	10	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIẾN	P5	18	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P5	14	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH PHÚC	P5	24-25	2	17		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	22-23	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG BA VỊNH	P5	20	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
15	LE XUÂN TINH	P5	15	1	6		72	PSV	Vietnamese
16	VŨ NGỌC BAO	P5	17	1	9		62	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG TRINH	P5	13	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

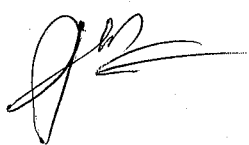
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	81	466	0	0		
2	P5	11	13	91	734	0	22		
TOTAL		17	20	172	1.200	0	22		
WEIGHT KG				172	1.200	0			

GRAND TOAL: 1.372 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: P4 - P3	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH THĂNG	P4	16	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HÀ TÂN DŨNG	P4	17	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG TRUNG	P4	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	27	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MẠNH CUÔNG	P4	19	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN MẠNH	P4	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG BÌNH	P4	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGUYỄN HUY NGUYỄN	P4	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH QUANG	P4	20	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	P4	25	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HAI	P4	21-22	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN TẾ	P4	26	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DUƠNG	P4	12	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LUU MẠNH TIẾN	P4	18	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRỊNH ĐẮC HÙNG	P4	28-29	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN DUY AN	P4	13-14	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN NGUYEN CHI BAO	P3					73	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	19	152	1.102	0	9		
2	P3	1	0	0	73	0	13		
TOTAL		17	19	152	1.175	0	22		
WEIGHT KG				152	1.175	0			

GRAND TOAL: 1.327 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - QTrưởng	ETA: 14:05
HONG-3			

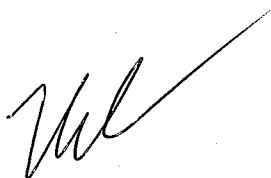
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	89	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐOÀN DUẬN	AMD	84	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI BA HUNG	AMD	87	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG MINH QUAN	AMD	93	1	5	35	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY THÂN	AMD	86	1	10	10	67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOANG	AMD	85	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH NHAN	AMD	88	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	92	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN TOAN	AMD	91	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TOAN	AMD	90	1	7		57	PSV	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HÙNG	P4	49,91	2	22		77	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN NGỌC	P4	50-51	2	23		76	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ NGỌC SỰ	P4	86,05	2	22		64	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	P4	52-53	2	21		92	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	10	68	643	45	4		
2	P4	4	8	88	309	0	18		
TOTAL		14	18	156	952	45	22		
WEIGHT KG				156	952	45			

GRAND TOAL: 1.153 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	TO: P1 - RC5 - RC6	CREW: ĐỨC - KHÁI - D Sơn	ETA: 14:10
TRANG-3			

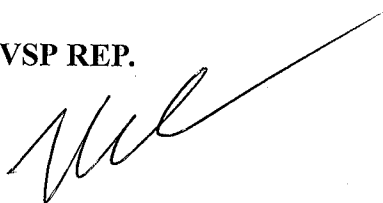
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	08	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ANH SƠN	P1	04	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THĂNG	P1	01	1	7	11	50	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUANG ANH	P1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUY NGHIỆP	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM SỸ HIỆP	P1	07	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN TOÀN	P1	05	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NÂM CUƠNG	P1	09	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	10	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	02	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HUY BẮC	P1	03	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN ANH	RC5	10	1	14		93	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẶNG BẮC THAI	RC5	13	1	17	56	69	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHƯƠNG	RC5	11-12	2	21		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	RC5	14	1	10	29	70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC QUANG	RC5	16-17	2	22		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

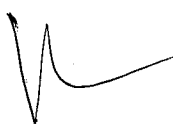
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	11	10	76	733	11	15		
2	RC5	5	7	84	363	85	5		
3	RC6	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		16	17	160	1.096	116	22		
WEIGHT KG				160	1.096	116			

GRAND TOAL: 1.372 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

